

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MINH HOÁ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày: 26/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Ngọc Nhân – Hưu trí tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Ông Lê Minh Toàn – nguyên là giáo viên tại huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Bá Thi – Thư ký Toà án Minh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá: Bà Đinh Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 27/02/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- HS, ngày 04/3/2025, đối với bị cáo:

Cao Xuân N; sinh ngày 09/3/2008, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 25 ngày, tại xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: bản Mò O Ồ, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Chứt; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Cao Thị L, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 12/6/2023, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 365/QĐ-XPTT ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã T (chấp hành xong ngày 08/9/2023). Ngày 26/7/2024, có hành vi Trộm cắp tài sản bị Ủy ban nhân dân xã T xử phạt hành chính 1.250.000 đồng theo Quyết định số 874/QĐ-XPHC ngày 04/9/2024 (nộp phạt ngày 02/10/2024); nhân thân: Ngày 12/01/2023, Cao Xuân N có hành vi trộm cắp tài sản tại Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện M, UBND thị trấn Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức: Cảnh cáo. Ngày 13/01/2023, Cao Xuân N có hành vi trộm cắp tài sản tại Trường phổ thông

dân tộc nội trú huyện M, UBND thị trấn Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức: Cảnh cáo. Ngày 21/4/2023, Cao Xuân N có hành vi trộm cắp tài sản tại thôn L, xã T, tỉnh Quảng Bình bị Công an xã T lập biên bản vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2025 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Cao Thị L, sinh năm 1978, địa chỉ: bản M, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Bá T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q; có mặt.

- *bị hại:* chị Hồ Thị S, sinh năm 1990, địa chỉ: bản Ó, xã T, huyện M; có mặt.

- *những người làm chứng:*

1. Anh Hồ Xuân P, sinh năm, 1996, địa chỉ: bản M, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2. Anh Cao Xuân H, sinh năm 2004, địa chỉ: bản M, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3. Anh Cao Xuân M, sinh năm 2001, địa chỉ: bản M, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

4. Anh Cao Xuân B, sinh năm 2002, địa chỉ: bản M, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

5. Cháu Cao Văn B1, sinh năm 2008, địa chỉ: bản M, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Cao Văn B1: Chị Cao Thị B2, sinh năm 1972, địa chỉ: bản M, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 03/01/2025, Cao Xuân N, Cao Xuân B, Hồ Xuân P, Cao Xuân M, Cao Văn B1, Cao Xuân H uống rượu tại nhà Cao Xuân T1 ở bản Ó, xã T, huyện M. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì anh T1 cầm nhiều tiền bỏ ra giữa chiếu để khoe với mọi người, sau đó T1 cất lại số tiền ở giường trong phòng ngủ và tiếp tục ra uống rượu cùng với mọi người. Một lúc sau, N đi vào nhà uống nước và thấy ví tiền của anh T1 đang để ở trên giường nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N lấy tiền trong ví rồi vứt ví gần bể nước tại nhà của Cao Xuân T1. Sau đó, N chia nhỏ số tiền vừa trộm được thành 04 phần và cất giấu vào bốn vị trí: vị trí thứ nhất dưới cục bê tông gần cây nhãn trong vườn T1, vị trí thứ hai ở dưới viên gạch

trong nhà vệ sinh, vị trí thứ ba gần tấm ván trong nhà vệ sinh, số tiền còn lại N giấu ở bụi tre gần nhà vệ sinh, những vị trí này cách nhà T1 khoảng 100 mét. Khi cất giấu tiền xong N quay lại uống rượu cùng mọi người. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Hồ Thị S là vợ Cao Xuân T1 phát hiện bị mất trộm tiền nên báo cho T1 cùng tìm kiếm nhưng không có. Đến ngày 05/01/2025, gia đình Hồ Thị S trình báo Công an xã T, huyện M. Tổng số tiền gia đình S bị mất trộm là 34.000.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định Cao Xuân N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, N đã giao nộp số tiền 21.200.000 đồng tại các vị trí cất giấu 1, 2, 3. Riêng số tiền cất giấu ở bụi tre gần nhà vệ sinh không tìm thấy.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M thu giữ:

- Tiền Ngân hàng N1, tổng số tiền 21.200.000 đồng, trong đó có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng bị rách đôi.
- 01 (Một) chiếc ví màu đen hai ngăn, kích thước ví (16x8x2)cm, ví đã qua sử dụng.

Xử lý vật chứng: Ngày 11/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M quyết định xử lý vật chứng trả lại cho gia đình Hồ Thị S, trú tại bản Ôn, xã T, huyện M: Tiền Ngân hàng N1, tổng số tiền 21.200.000 đồng, trong đó có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng bị rách đôi; 01 chiếc ví màu đen hai ngăn, kích thước ví (16x8x2)cm, ví đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hồ Thị S và Cao Xuân T1 đã nhận lại số tiền 21.200.000 đồng, nên chị S và anh T1 yêu cầu bị cáo Cao Xuân N đền bù số tiền 12.800.000 đồng còn thiếu.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKSMH ngày 26/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá truy tố bị cáo Cao Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố Cao Xuân N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Xuân N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc Cao Xuân N phải bồi thường cho chị S số tiền 12.800.000 đ, trường hợp nếu không đủ tài sản để bồi thường thì mẹ của bị

cáo là chị Cao Thị L phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- chị S yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền 12.800.000 đ và đề nghị giữ nguyên mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- bị cáo Cao Xuân N không có ý kiến gì về quyết định truy tố của VKSND huyện Minh Hóa, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

- người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý về nội dung bản luận tội mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

- bị cáo N không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát huyện M, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 13 giờ 30 phút giờ ngày 03/01/2025, tại nhà Cao Xuân T1, Hồ Thị S, ở bản Ó, xã T, huyện M, Cao Xuân N có hành vi lén lút trộm cắp 34.000.000 đồng của gia đình chị Hồ Thị S để tiêu xài cá nhân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì “*người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*” như vậy hành vi của Cao Xuân N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp và các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa truy tố bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo có hành vi lén lút đối với chủ sở hữu tài sản, lợi dụng sơ hở của họ để thực hiện với lỗi cố ý chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe và giáo dục chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Nhân thân: Bị cáo có 02 tiền sự, có nhân thân xấu.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Không.

[4.3] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo N tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N là người chưa thành niên phạm tội nên cần áp dụng Điều 91 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] Hình phạt chính: Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000 đ. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo N là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc Cao Xuân N phải bồi thường cho chị Hồ Thị S số tiền 12.800.000 đ.

Trường hợp nếu không đủ tài sản để bồi thường thì mẹ của bị cáo là chị Cao Thị L phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

[8] Về án phí: Bị cáo Cao Xuân N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử chấp nhận về mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Xuân N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Xuân N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc Cao Xuân N phải bồi thường cho chị Hồ Thị S số tiền 12.800.000 đ (mười hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Trường hợp nếu không đủ tài sản để bồi thường thì mẹ của bị cáo là chị Cao Thị L phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Cao Xuân N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 640.000 đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/3/2025).

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình
- CQCSĐT Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- người đại diện theo PLBC; người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

